

# VÀI NÉT VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - 2005)

BÙI VĂN HÙNG\*

Gần 20 năm qua, Đảng và Nhà nước ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Đổi mới, trong đó có đối ngoại. Với chính sách đối ngoại đổi mới, đất nước ta đã từng bước thoát ra khỏi tình trạng bị bao vây cô lập, mở rộng quan hệ quốc tế không chỉ về chính trị mà cả về kinh tế, vị thế của nước ta được nâng cao ở khu vực và trên thế giới, tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bài viết này bước đầu nêu lên một số nét về chính sách đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới (1986 - 2005).

1. Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ 1986 - 2005 diễn ra trong bối cảnh đất nước có bước chuyển tiếp rất đáng chú ý, tình hình quốc tế có những thay đổi căn bản khác trước đó là cơ sở quan trọng để Đảng và Nhà nước ta đổi mới tư duy đối ngoại, từng bước hoàn thiện đường lối, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

*Trong nước:* giai đoạn 1986 - 1995, đất nước vẫn ở trong tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội như Đại hội Đảng lần thứ VII, tháng 6-1991 nhận định: "Đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn những mặt hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết" (1).

Giai đoạn từ 1996 - 2005, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy nhiều mặt còn chưa vững chắc nhưng bắt đầu chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

*Quốc tế:* giai đoạn từ 1986 - 1991: các nước xã hội chủ nghĩa đồng loạt tiến hành công cuộc cải tổ và lún sâu vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, trong khi đó Chiến tranh lạnh và trật tự thế giới hai cực vẫn còn tồn tại. Nhưng từ 1989 - 1991, cả ba yếu tố trên đã nhanh chóng đi vào giai đoạn "tháo nút" và kết thúc.

Giai đoạn 1991 - 2005, trật tự thế giới đa cực hình thành trong xu hướng khu vực hóa, quốc tế hóa, toàn cầu hóa phát triển. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển như vũ bão, hầu hết các nước ưu tiên cho phát triển kinh tế, hệ tư tưởng không còn là chuẩn mực cao nhất trong quan hệ quốc tế. Xu hướng hòa dịu, đối thoại, hợp tác và phát triển đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo lại có xu hướng tăng lên. Các vấn đề toàn cầu như nạn đói; bùng nổ dân số, môi trường sinh thái, khủng bố, bệnh dịch... đặt ra gay gắt cho không chỉ riêng một nước nào mà đòi hỏi sự hợp tác quốc tế để cùng nhau giải quyết.

\* Th.S. Đại học Đà Lạt.

Xuất phát từ bối cảnh trong nước và quốc tế như trên, Đảng và Nhà nước ta đã điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại cho hợp lý, nhằm thực hiện ba mục tiêu an ninh, phát triển và ảnh hưởng. Với tư tưởng "thêm bạn bớt thù" và phương châm "đi bất biến, ứng vạn biến" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra, Đảng và Nhà nước ta đề ra phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, lấy lợi ích quốc gia làm trọng, đồng thời cố gắng đóng góp vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới dưới nhiều hình thức thích hợp.

Đại hội lần thứ VI (tháng 12-1986) chủ trương ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, thúc đẩy quá trình bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á. Nghị quyết 13 Bộ Chính trị khoá VI (tháng 5-1988) diễn ra với chủ đề "Giữ vững hòa bình, phát triển kinh tế" và chủ trương "thêm bạn bớt thù", đa dạng hóa quan hệ trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và cùng có lợi. Đại hội lần thứ VII (tháng 6-1991) nêu khẩu hiệu "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" (2) và Đại hội lần thứ IX (tháng 4-2001) hoàn chỉnh phương châm đối ngoại "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" (3). Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII, Ban Chấp hành Trung ương khoá IX nêu ra khái niệm mới về đối tác và đối tượng để cụ thể hoá hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. Rõ ràng là với tư duy mới về đối ngoại, Đảng và Nhà nước ta đã căn cứ vào tình hình thực tiễn của quốc tế và trong nước để từng bước hoàn

chỉnh đường lối và chính sách đối ngoại, ra sức thúc đẩy mối quan hệ hợp tác với mọi quốc gia có chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi và kiên quyết đấu tranh chống lại những ý đồ xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích dân tộc.

Để phát huy chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra các hình thức quan hệ phong phú, lấy quan hệ chính trị - ngoại giao làm tiền đề phát triển cho các mối quan hệ kinh tế - thương mại, văn hóa, khoa học - kỹ thuật... Sự tham gia vào hoạt động đối ngoại của cả hệ thống chính trị và nhân dân làm cho các mối quan hệ song phương và đa phương phát triển, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong tiến trình đổi mới.

Như vậy, đổi mới tư duy đối ngoại của Đảng ta là một quá trình từ đổi mới cách nhìn nhận, đánh giá những chuyển biến quanh co phức tạp của tình hình thế giới, của yêu cầu và đòi hỏi của nền kinh tế - xã hội đất nước đến việc đề ra chính sách đối ngoại phù hợp. Đảng và Nhà nước ta đề ra chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế và huy động sự tham gia của mọi lực lượng trong nước làm công tác đối ngoại, nhưng tâm lý nghi ngại về bạn - thù vẫn tồn tại khá lớn làm ảnh hưởng tới hiệu quả đối ngoại. Việc xác định rõ đối tác, đối tượng là một bước chuyển quan trọng trong nhận thức và hành động của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện tư duy mới phù hợp với tình hình mới, coi hợp tác và đấu tranh là hai mặt biện chứng, đan xen, biến hóa trong thời kỳ mới.

**2. Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ 1986 - 2005 tiếp nối truyền thống**

ngoại giao của dân tộc và mang tính đổi mới cách mạng.

Nền ngoại giao từ 1945 trở về trước thể hiện tinh thần hòa hiếu, khoan dung, mềm mỏng, linh hoạt nhằm tạo môi trường hòa bình để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Để ứng phó với các triều đại phong kiến Trung Quốc hùng mạnh, luôn thường trực tư tưởng "bình thiên hạ" và chính sách "viễn giao cận công", ông cha ta đã hết sức khôn khéo thi hành chính sách đối ngoại: thời bình thì nộp cống và cầu phong để "trong xung đế, ngoài xưng vương"; sau mỗi lần buộc phải kháng chiến chống xâm lược thắng lợi thì lại "dùng biện sĩ bàn hòa" để dập tắt dã tâm, tham vọng của kẻ thù. Nhờ đó, hòa bình, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia được bảo đảm, đất nước có điều kiện để phát triển: "Xưa nay, truyền thống ngoại giao Việt Nam là hòa hiếu, "Đem đại nghĩa thắng hung tàn. Lấy chí nhân thay cường bạo". Mỗi lần buộc phải kháng chiến chống ngoại xâm thì sau chiến tranh lại vượt qua đau thương, khoan dung, mềm mỏng khôi phục bang giao để "tắt muôn đời chiến tranh" (4).

Những phẩm chất tốt đẹp và tinh túy của truyền thống ngoại giao Việt Nam được thể hiện trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại theo tinh thần "hòa hiếu", "thêm bạn bớt thù", "dĩ bất biến, ứng vạn biến" và "Việt Nam muốn làm bạn với mọi nước dân chủ không gây thù oán với một ai". Với phương châm ấy, ngoại giao Việt Nam đã góp phần loại bớt từng kẻ thù, tranh thủ thời gian hòa hoãn để chuẩn bị xây dựng lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thắng lợi. Trong kháng chiến, chúng ta không chỉ lấy tư tưởng đoàn kết với nhân dân tiến bộ trên thế giới, mà còn cả với

nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình ở Pháp và Mỹ, khoan dung, nhân đạo với tù binh và cả những người lầm đường lạc lối. Ngay sau khi cuộc chiến tranh kết thúc, Đảng và Nhà nước ta đã tìm kiếm các cơ hội để nối lại quan hệ với Pháp (4 - 1973) và sau này là Mỹ (7 - 1995).

Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới thể hiện tính cách mạng về nghiên cứu và nhận định tình hình thế giới và mâu thuẫn của thời đại, về quan điểm bạn - thù, về quyền lợi giai cấp và dân tộc; về chuẩn mực trong quan hệ quốc tế, về phương châm đối ngoại đa phương hóa và đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế; về ưu tiên tập trung cho phát triển kinh tế đối ngoại, về ưu tiên cho quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, về quan hệ với các nước lớn và các trung tâm kinh tế - tài chính quốc tế, về quan niệm mới trong bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia; về chuyên chính vô sản...

Khi trật tự thế giới hai cực và Chiến tranh lạnh còn chi phối quan hệ quốc tế (1986 - 1991), Việt Nam xác định quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng, là bạn với các nước dân chủ, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và đứng hẳn về phe xã hội chủ nghĩa, đồng thời coi tất cả các nước đế quốc chủ nghĩa và cả Trung Quốc là kẻ thù (Lời nói đầu Hiến pháp 1980 và được sửa lại trong Hiến pháp 1992). Nhưng khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô lần lượt sụp đổ, trên cơ sở bối cảnh quốc tế và thực tế đất nước, Việt Nam dứt khoát đấu tranh từ bỏ những gì đã lỗi thời, lạc hậu và không còn phù hợp nữa trong công tác đối ngoại: thay đổi nhận định về chủ nghĩa xã hội là nhân tố bảo đảm chứ không còn là tiến công nữa, không coi nước này hay nước khác là kẻ thù mà xác định rõ đối tác và đối tượng; xác

định lại chuẩn mực trong quan hệ quốc tế không quá lệ thuộc vào ý thức hệ mà chủ trương làm bạn với tất cả các nước trên thế giới; bình thường hóa quan hệ với các nước từng coi là kẻ thù như Trung Quốc và Mỹ, gia nhập ASEAN, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (Interpol, chống khủng bố, Nghị định thư Kyoto...), xác định độc lập chủ quyền không chỉ dựa trên sức mạnh quân sự mà cả về phát triển kinh tế - văn hóa, tạo điều kiện cho công dân Việt Nam và Việt kiều xuất nhập cảnh một cách thuận lợi...

**3. Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới** trong khi coi trọng tất cả các mục tiêu an ninh, phát triển và ảnh hưởng đã từng bước hướng sự tập trung ưu tiên hàng đầu cho việc phát triển kinh tế đất nước.

Nhận thức đúng đắn xu hướng phát triển, việc ưu tiên cho phát triển kinh tế trong chính sách đối ngoại để phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực là yêu cầu bức thiết của công cuộc Đổi mới.

Ngoại giao đã góp phần tạo môi trường hòa bình và ổn định, xúc tiến phát triển thương mại và tìm kiếm thị trường nhằm đẩy mạnh xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài và nguồn vốn tài trợ cũng như viện trợ của các nước và các tổ chức quốc tế, làm tốt công tác về người Việt Nam ở nước ngoài nhằm khuyến khích họ đầu tư phát triển kinh tế trong nước...

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ Đổi mới (1986 - 1995), nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm là phá thế bao vây, cấm vận quốc tế, góp phần đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Với việc ký kết Hiệp định Paris về Campuchia tháng 10-1991, khai thông quá trình bình thường hóa quan hệ với các đối tác quan trọng là Trung Quốc,

ASEAN, EU, Nhật Bản và Mỹ, ngoại giao Việt Nam không những hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm trên mà còn tăng cường hợp tác kinh tế - thương mại song phương và đa phương, góp phần đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở những thành tựu đạt được, trong giai đoạn tiếp sau của thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, tăng khả năng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, quan hệ đầu tư, viện trợ phát triển... không ngừng được mở rộng. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, bình quân hàng năm thời kỳ 1991 - 1995 tăng 17,8%, thời kỳ 1996 - 2000 tăng 21%, thời kỳ 2001 - 2005 tăng 17,3%; kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người tăng từ 36,3USD năm 1990 lên 166USD năm 2000 và khoảng 390USD năm 2005 (5).

**4. Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới** khẳng định sự đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế. Bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và cơ chế hiện thực hóa chính sách đối ngoại có những sự đổi mới khác trước với yêu cầu cao hơn.

Đảng và Nhà nước ta đề ra đường lối đổi mới từ Đại hội VI, trong đó có đổi mới về đường lối đối ngoại; và phải đến Đại hội VII (tháng 6 - 1991) chính sách đối ngoại được nâng lên: "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" và đến Đại hội IX (tháng 12-2001) tiếp tục làm rõ hơn: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới".

Khả năng tập hợp lực lượng đa dạng hơn và mục tiêu phát triển kinh tế để gia tăng

ảnh hưởng trong một trật tự thế giới đa cực đang hình thành của xu thế toàn cầu hóa đặt ra cho các nước tìm kiếm sự hợp tác đa phương, đa dạng một cách hợp lý để phát triển.

Đặt trong xu thế đó, Việt Nam kịp thời đề ra đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, quan hệ với tất cả các nước không phân biệt "dân chủ" hay "đế quốc", tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa mà chú ý đến đối tác và đối tượng vì lợi ích quốc gia và sự hài hòa với lợi ích quốc tế. Đến năm 1995 Việt Nam đã đặt quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới, khôi phục và phát triển quan hệ với Nga, SNG và Đông Âu; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và Hoa Kỳ; gia nhập ASEAN; ký hiệp định khung với EU... (có quan hệ với 167 quốc gia và vùng lãnh thổ và hơn 200 tổ chức quốc tế và đến 2005 là 169 nước).

Khi thực hiện phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, thứ tự ưu tiên khu vực và đối tác trong chính sách đối ngoại cũng rất linh hoạt, khác trước: ưu tiên trước hết cho phát triển kinh tế; ưu tiên cho quan hệ láng giềng, khu vực, các nước bạn bè truyền thống...

Trong thời kỳ Đổi mới, mối quan hệ giữa những nội dung về mở rộng hợp tác kinh tế và văn hóa, khoa học - kỹ thuật mới được nhấn mạnh trong tư duy đối ngoại. Mặt trận đối ngoại luôn kết hợp chặt chẽ với các mặt trận kinh tế và chính trị, văn hóa và khoa học - kỹ thuật... trong đó mặt trận kinh tế chiếm vị trí quan trọng nhất trong hoạt động quốc tế của Việt Nam. Chính hoạt động đối ngoại đã đem lại những kết quả thiết thực cho Việt Nam thoát ra khỏi khủng hoảng và không ngừng phát triển, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường

quốc tế; vì nhu cầu mở rộng thị trường, tranh thủ vốn và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phù hợp với xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam phù hợp với xu thế của thời đại, vì lợi ích quốc gia, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp nhận, vừa phát huy ảnh hưởng ra khu vực và trên toàn thế giới. Nên ngoại giao Việt Nam hiện đại luôn kiên định về nguyên tắc chiến lược và mềm dẻo về sách lược: "Cơ động, linh hoạt trên cơ sở nắm vững chính sách và mục tiêu cơ bản cũng là bản sắc của trường phái ngoại giao Việt Nam" (6).

Thêm nữa, "Việt Nam dành mối quan tâm hàng đầu cho việc tăng cường bang giao với các nước láng giềng theo phương ngôn: "Bán họ hàng xa, mua láng giềng gần" nói lên truyền thống trước hết coi trọng sự giao hảo với các nước lân bang" (7).

Xuất phát từ đổi mới tư duy đối ngoại, Đảng và Nhà nước ta nhận định rõ hơn về kẻ thù, về bạn bè và đối tác, không hoàn toàn như: "Trước đây, nói tới yếu tố quốc tế, chủ yếu là nói tới quan hệ với các nước "anh em", "bạn bè" và tuân theo những chuẩn mực chính trị, tinh thần định sẵn" (8) mà phân biệt rõ đối tượng và đối tác, trong mỗi đối tượng có thể có mặt cạnh tranh thủ, hợp tác và trong một số đối tác vẫn có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích dân tộc ta. Với nhận thức đó, Việt Nam đã khéo léo xử lý quan hệ với tất cả các nước, nhất là các nước lớn nhất thiết phải cân bằng lợi ích của họ tránh bị các nước lớn lợi dụng để mặc cả với nhau. Điều cốt yếu trong quan hệ với mọi nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau là luôn nêu cao nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền,

thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng và cùng có lợi.

Trong xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa, các nước và các trung tâm lớn về kinh tế và chính trị đóng vai trò rất quan trọng trên thế giới về mọi lĩnh vực. Hội nhập quốc tế để phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh và quốc phòng, nâng cao vị thế của quốc gia là yêu cầu bức thiết mang tính nội tại của Việt Nam không thể không xử lý tốt quan hệ với các nước lớn. Thực tế là với việc bình thường hóa và phát triển quan hệ với Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và EU, Việt Nam đã tìm kiếm được nguồn vốn và kỹ thuật, những thị trường rộng lớn để phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc tế của mình.

Việt Nam luôn thủy chung, coi trọng và không ngừng củng cố quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước bạn bè, các lực lượng cách mạng, tiến bộ, yêu chuộng hòa bình và công lý vốn có quan hệ truyền thống, đã từng đoàn kết và hết lòng ủng hộ Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, thống nhất Tổ quốc. Trong thời kỳ Đổi mới, Việt Nam đã khôi phục và phát triển quan hệ hữu nghị với Nga, các nước SNG, các nước Đông Âu, các nước trong Phong trào Không liên kết, các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, các đảng cánh tả, các lực lượng dân chủ và tiến bộ thế giới... trên tinh thần đổi mới phương thức hợp tác, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng và cùng có lợi.

Ngoại giao nhà nước là một trong những nền tảng và cơ sở của mọi quốc gia có chủ quyền. Ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân là sợi chỉ đỏ xuyên suốt nền ngoại giao Việt Nam hiện đại phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta: "kết hợp mọi lĩnh vực và hình thức

hoạt động, huy động mọi lực lượng của đất nước, gắn với những xu hướng chủ yếu trên thế giới để tạo ra sức mạnh tổng hợp" (9).

Trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc, các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam đứng đầu là Lãnh tụ Hồ Chí Minh vĩ đại đã đưa cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, ngoại giao nhân dân càng thể hiện rõ hơn vai trò to lớn, cùng với ngoại giao nhà nước tạo thành một mặt trận, góp phần quan trọng cho mục tiêu độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Trong thời kỳ đầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất, ngoại giao nhân dân lại tiếp tục phát huy vai trò, cùng đấu tranh phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, tạo ra tiền đề và điều kiện để Việt Nam hội nhập thế giới. Trong 20 năm Đổi mới, ngoại giao nhân dân lại được phát huy với nội dung và phương thức hoạt động ngày càng phong phú, đa dạng, linh hoạt. Ngoại giao nhân dân thời kỳ Đổi mới huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, hoạt động đối ngoại của Đảng, Chính phủ, Quốc hội, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan quốc phòng - an ninh, các địa phương, các doanh nghiệp, người Việt Nam ở nước ngoài "góp phần gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau, đồng thời tác động tới tính toán của các chính phủ, cuối cùng có thể góp phần chuyển hóa quan hệ giữa các quốc gia" (10).

Đảng lãnh đạo toàn diện, Nhà nước quản lý thống nhất và thực hiện chính sách và hoạt động đối ngoại thời kỳ Đổi mới. Dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Chính phủ,

ngoại giao Việt Nam đã phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng. Bộ Ngoại giao là cơ quan chuyên trách triển khai thực hiện chính sách đối ngoại, nhưng các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước trực tiếp tham gia giải quyết các vấn đề lớn về đối ngoại như vấn đề Campuchia; bình thường hóa quan hệ

với Trung Quốc, Mỹ... Các bộ, ngành đều có các vụ triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế. Nhiều nhóm nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ đối ngoại cụ thể như nhóm CP87 của Chính phủ chuyên trách về vấn đề Campuchia. Đồng đảo các cán bộ và nhân viên ngoại giao được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa, không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ...

### CHÚ THÍCH

(1), (2). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1991. tr. 50, 147.

(3). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001. tr. 42.

(4). Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 17-18.

(5). Võ Hồng Phúc, "*Những thành tựu về kinh tế - xã hội qua 20 năm đổi mới (1986-2005)*", trong *Việt Nam 20 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

(6), (7). Vũ Khoan, "*Trường phái ngoại giao Việt Nam*", trong *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 423, 433.

(8). Lê Mai, "*Sức xuân dân tộc trong giao lưu quốc tế*", trong *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 140.

(9), (10). Vũ Khoan, "*Trường phái ngoại giao Việt Nam*", trong *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1995, tr. 430, 431.

